

Bản án số: 178/2024/HS-ST
Ngày 25 – 9 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Nga

Ông: Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông: Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 184/TLST-HS, ngày 18 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên **Đ T D**, sinh năm 1995 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Đ V H, đã chết và bà N T L, sinh năm: 1959; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2024 đến nay. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội.

Địa chỉ: Tầng D, Tháp C, Tòa nhà E, số F, đường G, phường H, quận I, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà H T T H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ L, Phường M, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chức danh: Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đ T N T, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số N O, phường P, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Lô Q, KCN X, huyện Y, thành phố Hà Nội; Chức vụ: Pháp chế doanh nghiệp theo giấy ủy quyền số 199/UB-J&T-HN ngày 19/9/2024. (Có mặt tại phiên tòa).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà N T L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội

(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ T D là nhân viên giao nhận của Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội (sau đây viết tắt là Công ty T P - Chi nhánh Hà Nội), làm việc tại bưu cục 024M01 Z, địa chỉ: Số U đường Z, K, Hà Nội theo Hợp đồng lao động đã ký ngày 01/6/2023, thời hạn 01 năm, từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/5/2024. Nhiệm vụ của Đ T D là hàng ngày nhận, giao, trả các đơn hàng cho các khách hàng và thu tiền đơn hàng giao thành công (gọi là tiền COD) nộp về cho Bưu cục. Đ T D được công ty cấp mã nhân viên số 01142088 để nhập số tài khoản vào app (ứng dụng) quản lý của Công ty trên điện thoại di động. Bưu cục trưởng là anh N N H phân công công việc hàng ngày của Đ T D tại bưu cục như sau: 8 giờ sáng hàng ngày, Đ T D đến bưu cục 024M01 Z nhận các đơn hàng trên địa bàn xã B và tích vào app (ứng dụng) quản lý sau đó đi giao cho khách hàng, đến buổi chiều Đ T D đi nhận hàng gửi của khách gửi tại xã B và giao lại về cho bưu cục. Đến cuối ngày, khoảng 16 giờ 00 phút, Đ T D phải quay về bưu cục để nộp lại những đơn không giao được và nộp số tiền đã thu của các đơn hàng đã giao thành công cho chị N M K - sinh năm: 1991, trú tại: thôn W, Z, K, Hà Nội là nhân viên giao dịch của bưu cục (thường gọi là admin) để công ty đối soát và trả lại tiền cho người gửi. Trong quá trình làm việc tại Công ty, Đ T D đã được công ty thông báo, đào tạo về chức năng, nhiệm vụ của bưu tá và có bài test kiểm tra, được thông báo về việc nộp tiền (COD+vận phí và báo cáo 2 lần/1 ngày). Từ ngày 21/10/2023, sau khi giao hàng và thu tiền của khách thì Đ T D không nộp lại tiền về bưu cục theo quy định. Ngày 27/10/2023, Đ T D tự ý nghỉ việc, không báo cáo lại Công ty về tình trạng giao hàng thành công và tổng số tiền đã thu của khách hàng. Do đó, chị N M K đã tra soát lại các đơn hàng giao cho Đ T D thì phát hiện từ ngày 21/10/2023 đến ngày 31/10/2023 Đ T D đã giao thành công cho khách là 126 đơn hàng và thu được tổng số tiền của khách là 93.122.760 đồng (trong đó 92.433.760 đồng là tiền COD và 689.000 đồng là tiền phí vận chuyển) nhưng Đ T D không nộp về bưu cục như theo đúng nội dung thỏa thuận mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau: Ngày 21/10/2023 là 2.975.000 đồng; Ngày 23/10/2023: 2.299.000 đồng; Ngày 24/10/2023: 4.945.000 đồng; Ngày 25/10/2023: 13.239.400 đồng; Ngày 26/10/2023: 4.769.409 đồng; Ngày 27/10/2023: 40.388.414 đồng; Ngày 28/10/2023: 4.450.800 đồng; Ngày 29/10/2023: 1.093.600 đồng; Ngày 30/10/2023: 5.134.945 đồng và ngày 31/10/2023 là 13.827.192 đồng.

Anh N N H đã báo cáo sự việc đến Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội và liên lạc với Đ T D thì Đ T D thừa nhận chiếm đoạt tổng số tiền 93.122.760 đồng, tiêu sài vào mục đích cá nhân, không còn tiền nộp lại cho Công ty.

Ngày 02/01/2024, Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội đã gửi đơn tố giác tội phạm, tố giác hành vi nêu trên của Đ T D đến Công an huyện K. Ngày 03/5/2024, cơ quan Công an đã tiến hành khám xét chỗ ở của Đ T D tại thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số 183/CT-VKSGL, ngày 17/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đ T D về Tội Tham ô tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

*** *Tại phiên toà:***

- Bị cáo Đ T D đã thành khẩn khai nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo tự nguyện, đồng ý dùng số tiền lương và tiền ký quỹ của mình tại Công ty T P – chi nhánh Hà Nội là 8.319.407 đồng để bồi thường cho công ty cũng như đã tác động đến gia đình của bị cáo để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội, tổng số tiền là 93.122.760 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là bà Đ T N T có mặt trình bày: bà xác nhận bị cáo Đ T D và gia đình đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội là 93.122.760 đồng, trong đó tiền lương, tiền ký quỹ của bị cáo (hiện công ty đang quản lý) là 8.319.407 đồng, tiền mặt do mẹ bị cáo là bà N T L trực tiếp bồi thường là 84.803.353 đồng. Vì vậy Công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất. Đối với số tiền hàng hóa bị Đ T D tham ô, Công ty và các chủ sở hữu hàng hóa đã tự thanh toán với nhau xong nên Công ty không có yêu cầu gì về vấn đề này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N T L vắng mặt. Bà N T L có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải thanh toán trả bà số tiền bà đã bồi thường cho bị hại thay bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: tuyên bố bị cáo Đ T D phạm tội Tham ô tài sản. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ T D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 03/5/2024.

+ Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định.

+ Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong.

+ Về xử lý vật chứng: không.

+ Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng vị trí là nhân viên giao, nhận, trả các đơn hàng và thu tiền các đơn hàng (giao thành công) cho khách hàng của Công ty T P - chi nhánh Hà Nội, Đ T D đã 10 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số 126 đơn hàng có tổng trị giá là 93.122.760 đồng trong các ngày từ 21/10/2023 đến 31/10/2023. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ T D phạm “Tội Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Đ T D là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. *Về hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 10 lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 93.122.760 đồng, vì vậy, cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường xong toàn bộ thiệt hại, số tiền chiếm đoạt không lớn; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, lấy đó làm căn cứ giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự cũng có tác dụng giáo dục và phòng

ngừa chung.

[4]. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị áp dụng đối với bị cáo có phần tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự bồi thường thiệt hại xong, HĐXX xác nhận bị cáo đã thực hiện xong việc bồi thường và không xem xét giải quyết.

[7]. Đối với bà N T L là mẹ đẻ bị cáo là người thực hiện bồi thường thay cho bị cáo do bị cáo đang bị tạm giam, bà N T L không yêu cầu bị cáo phải thanh toán trả cho bà số tiền này nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: không.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: bị cáo Đ T D có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào các Điều: 331, 332, 333, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên bố: bị cáo Đ T D phạm Tội Tham ô tài sản.

Xử phạt: **Đ T D 45 (bốn mươi lăm) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 03/5/2024.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: xác nhận đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo Đ T D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo Đ T D và Công ty T P – Chi nhánh Hà Nội có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện K
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND TP. Hà Nội
- Công an huyện K
- Chi cục THADS huyện K
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- UBND xã B, huyện K, thành phố Hà Nội
(thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Lưu: hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hà Thu